

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	Mức điểm sàn phương thức xét điểm thi THPT	Mức điểm sàn phương thức xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Mức điểm sàn phương thức xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP HCM
Truyền thông đa phương tiện	7320104	15	18	600
Quan hệ công chúng	7320108	15	18	600
Công nghệ thông tin , gồm các chuyên ngành: • Công nghệ thông tin • Thiết kế vi mạch • Công nghệ thông tin y tế • Thiết kế đồ họa	7480201	15	18	600
Công nghệ giáo dục	7140103	15	18	600
Thương mại điện tử	7340122	15	18	600
Khoa học máy tính gồm chuyên ngành: • Trí tuệ nhân tạo • Kỹ thuật phần mềm • Hệ thống dữ liệu lớn • Mạng máy tính & An ninh thông tin	7480101	15	18	600
Quản trị kinh doanh gồm chuyên ngành: • Quản trị kinh doanh • Kinh tế đối ngoại • Thương mại quốc tế • Marketing số • Quản trị du lịch • Kinh doanh số	7340101	15	18	600
Ngôn ngữ Anh gồm chuyên ngành: • Tiếng Anh giảng dạy • Tiếng Anh thương mại	7220201	15	18	600
Kế toán gồm chuyên ngành: • Kế toán - kiểm toán • Kế toán doanh nghiệp	7340301	15	18	600
Quản trị khách sạn	7810201	15	18	600
Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	15	18	600
Tâm lý học chuyên ngành: • Tâm lý học tham vấn & trị liệu	7310401	15	18	600
Đông phương học gồm chuyên ngành: • Nhật Bản học • Hàn Quốc học • Trung Quốc học	7310608	15	18	600
Luật kinh tế chuyên ngành: • Luật kinh tế quốc tế	7380107	* Theo quy định ngưỡng điểm sàn của Bộ GD&ĐT		